

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
đô thị Cù, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của
Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP
ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và
Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung
về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của
Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng
vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các
quy định của pháp luật có liên quan;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 8090/SXD-QH
ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung
xây dựng đô thị Cù, huyện Hà Trung đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số
192/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của UBND huyện Hà Trung).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô
thị Cù, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với những nội dung
chính sau:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi ranh giới:

Ranh giới lập quy hoạch chung đô thị bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của 2 xã Yên Dương và Hà Bình; có giới hạn cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: thị xã Bỉm Sơn.
- Phía Nam giáp: thị trấn Hà Trung và xã Yên Sơn;
- Phía Đông giáp: xã Hoạt Giang và xã Hà Lai;
- Phía Tây giáp: xã Hà Bắc và xã Hà Tân.

1.2. Quy mô:

- Diện tích lập quy hoạch khoảng: 1.752,83ha (~ 17,52 km², trong đó: xã Yên Dương 8,34 km², xã Hà Bình 9,18 km²).

- Dân số hiện trạng khoảng: 12.583 người (trong đó: xã Yên Dương 7.147 người, xã Hà Bình 5.436 người). Dân số đến năm 2030 khoảng: 17.400 người (tăng thêm khoảng: 4.817 người). Dân số đến năm 2045 là: 20.500 người (tăng thêm khoảng: 7.917 người).

(dự báo dân số được cụ thể hóa trong quá trình lập quy hoạch).

2. Tính chất đô thị

Là đô thị Dịch vụ - Thương mại, công nghiệp trên hành lang kinh tế Quốc lộ 1A của tỉnh. Có vai trò liên kết phát triển giữa huyện Hà Trung với thị xã Bỉm Sơn; gồm các chức năng: Phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, du lịch văn hóa tín ngưỡng.

3. Một số chỉ tiêu cơ bản dự kiến về dân số, đất đai và hạ tầng kỹ thuật

3.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng 2020 khoảng: 12.583 người;
- Dự báo đến năm 2030 khoảng: 17.400 người;
- Dự báo đến năm 2045 khoảng: 20.500 người.

Dân số tăng thêm đến năm 2045 là: 7.917 người.

3.2. Dự báo quy mô đất đai:

Lựa chọn chỉ tiêu dự báo quy mô đất dân dụng đô thị khoảng 90 m²/người, theo các giai đoạn cụ thể như sau:

- Đến năm 2030, đất dân dụng đô thị khoảng 156,6 ha;

- Đến năm 2040, đất dân dụng đô thị khoảng 184,5 ha.

STT	Loại đất	Chỉ tiêu	Năm 2030		Năm 2045	
		(m ² /người)	Dự báo quy mô dân số	Dự báo Quy mô đất đai	Dự báo quy mô dân số	Dự báo quy mô đất đai
			(người)	(ha)	(người)	(ha)
1	Đất đơn vị ở	50	17.400	87	20.500	102,5
2	Giao thông HTKT đô thị	20		34,8		41
3	Đất công cộng dịch vụ	10		17,4		20,5
4	Đất cây xanh đô thị	10		17,4		20,5
Tổng		90		156,6		184,5

(Dự báo quy mô dân số và đất xây dựng đô thị sẽ được cụ thể hóa trong quá trình nghiên cứu lập đồ án điều chỉnh quy hoạch).

Dự báo quy mô tối thiểu các công trình dân dụng trong đô thị:

	Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu		Diện tích tối thiểu (ha)	
		Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Năm 2030	Năm 2045
I.	ĐẤT CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ					11,07	11,88
1	Giáo dục					2,78	3,28
	Trường trung học phổ thông	HS/1.000 người	40	m ² /1 học sinh	10	0,70	0,82
	Trường tiểu học	HS/1.000 người	65	m ² /1 học sinh	10	1,13	1,33
	Trường trung học cơ sở	HS/1.000 người	55	m ² /1 học sinh	10	0,96	1,13
2	Y tế					0,75	0,87
	Bệnh viện đa khoa	giường/1.000 người	4	m ² /giường bệnh	100	0,70	0,82
	Trạm y tế	trạm	1	m ² /trạm	500	0,05	0,05
3	Văn hóa - Thể dục thể thao					6,54	6,73
	Sân thể thao cơ bản			m ² /người	0,6	1,04	1,23
				ha/công trình	1	-	-
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao			m ² /người	0,8	1,39	1,64
				ha/công trình	3	3,00	3,00
	Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa)	chỗ/ 1.000 người	8	ha/công trình	0,5	0,50	0,50
	Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi)	chỗ/ 1.000 người	2	ha/công trình	1	2,00	2,00
4	Thương mại					1,00	1,00
	Chợ	công trình	1	ha/công trình	1	1,00	1,00
II.	ĐẤT CÂY XANH			m ² /người	4	6,96	8,20

3.3. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông trong đất xây dựng đô thị (không bao gồm giao thông tỉnh)
- + Tính đến đường liên khu vực: > 9%.
- + Tính đến đường khu vực: > 13 %.
- + Tính đến đường phân khu vực: > 18%.
- Chỉ tiêu điện năng: 1.000KWh/người/năm ; phụ tải 330 W/người ;
- Cấp nước sinh hoạt: 120 lít/ người/ngày đêm; tỷ lệ cấp nước sạch tối thiểu 95%;
- Thoát nước bản tối thiểu: 90% nước cấp;
- Chất thải rắn tối thiểu: 1kg/ng/ngđ;
- Thu gom xử lý: 100%;
- Hệ thống nước mưa và nước thải riêng biệt.

4. Các vấn đề cần giải quyết trong đồ án quy hoạch

- Nội dung đồ án quy hoạch chung đô thị Cù được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, trong đó cần phân tích và làm rõ cơ sở hình thành phát triển của đô thị; nghiên cứu về mô hình, cấu trúc phát triển không gian; định hướng kiến trúc, cảnh quan môi trường phù hợp với tính chất, chức năng của đô thị; xác định các giai đoạn phát triển, kế hoạch thực hiện, các dự án có tính chất tạo động lực hình thành phát triển đô thị mới và mô hình quản lý phát triển đô thị.
- Xác định mục tiêu, tính chất và động lực phát triển đô thị.
- Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong đồ án.
- Dự báo về kinh tế - xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.
- Định hướng phát triển không gian đô thị gồm hướng phát triển và cải tạo đô thị; phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị; xác định các trung tâm, công viên cây xanh, quảng trường trung tâm và không gian mở của đô thị; tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội: Thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước bẩn, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược: Nội dung theo quy định tại Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

- Kinh tế đô thị: Luận cứ xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

- Đề xuất các yêu cầu về Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch để các cấp, các ngành cùng tham gia vào công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch.

5. Các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản

5.1. Yêu cầu điều tra khảo sát, địa hình:

- Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5.000 hệ toạ độ VN2000, độ cao Nhà nước.

- Hồ sơ khảo sát địa hình phải đảm bảo theo quy định tại Luật đo đạc bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018 của Quốc hội; Nghị định Số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ.

5.2. Yêu cầu điều tra hiện trạng và thu thập tài liệu, số liệu:

- Các số liệu điều tra hiện trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật..., phải sử dụng số liệu điều tra mới nhất, có hệ thống bảng biểu kèm theo.

- Đánh giá về điều kiện tự nhiên: địa hình, thủy văn, thủy lợi, đê đê điều, đặc biệt là vùng sông Hoạt, sông Tống, sông Chiêu Bạch trong khu vực, cốt ngập lụt, hiện trạng trong đê và ngoài đê,....

- Phân tích, đánh giá hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng; kiến trúc cảnh quan, khả năng sử dụng quỹ đất hiện có và quỹ đất dự kiến phát triển; cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường đô thị.

- Điều tra nghiên cứu đánh giá hiện trạng cần phân tích vị trí, vai trò, mối quan hệ tổng hợp của đô thị trong tổng thể các quy hoạch liên quan, đối với toàn huyện; Sự khác biệt, tính đặc thù và tiềm năng đô thị về các mặt tự nhiên, xã hội, dân số, đất đai, môi trường, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, các yếu tố ảnh hưởng tới cấu trúc đô thị....từ đó xác định động lực chính phát triển của đô thị;

- Đánh giá quỹ đất phát triển đô thị trong khu vực lập quy hoạch. Khai thác tối đa quỹ đất thuận lợi để phát triển đô thị.

5.3. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích, các công trình đầu mối, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và đánh giá môi trường chiến lược.

a) Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị bao gồm:

- Định hướng phát triển không gian đô thị bao gồm nội thị và ngoại thị:

- + Dự kiến sử dụng đất của đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch;

- + Xác định hệ thống các trung tâm; vị trí, phạm vi, quy mô các khu chức năng trong đô thị; các khu hiện có phát triển ổn định; các khu cần chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp; các khu cần bảo tồn, tôn tạo; các khu chuyển đổi chức năng; các khu quy hoạch xây dựng mới; các khu cấm xây dựng và các khu vực dự kiến phát triển mở rộng đô thị; dự kiến các khu vực xây dựng các công trình ngầm dưới mặt đất trong đô thị;

- + Xác định các chỉ tiêu về diện tích, mật độ dân cư, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và tầng cao tối đa, tối thiểu của công trình trong các khu chức năng đô thị.

b) Yêu cầu về bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích.

- Tôn trọng các yếu tố cây xanh, mặt nước đã có trong đô thị, hạn chế tối thiểu việc san lấp các ao hồ.

- Đối với các di sản di tích đã được công nhận, cần có phương án khoanh vùng bảo vệ theo các quy định tại Luật di sản.

c) Yêu cầu các công trình hạ tầng xã hội đô thị.

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Căn cứ quy mô dân số và những đặc điểm của đô thị, tính toán các chỉ tiêu các công trình hạ tầng xã hội phù hợp các quy chuẩn hiện hành.

d) Yêu cầu các công trình đầu mối, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng đô thị; xác định cốt xây dựng khống chế của từng khu vực, toàn đô thị và các trục giao thông chính đô thị; Yêu cầu đơn vị tư vấn nghiên cứu, đánh giá chi tiết cos ngập lụt sông Hoạt, sông Tống Giang, từ đó có các giải pháp lựa chọn quỹ đất xây dựng phù hợp;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật; Xác định rõ hướng tuyến, hành lang tuyến tính lộ 523 kéo dài.

- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.

e) Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược.

- Đánh giá hiện trạng:

+ Về môi trường tự nhiên đô thị về điều kiện khí tượng thủy văn, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất; khai thác và sử dụng tài nguyên, thay đổi khí hậu;

+ Về chất lượng nguồn nước, không khí, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn;

+ Về các vấn đề dân cư, xã hội, văn hoá và di sản.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đô thị; đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu.

- Đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái tự nhiên; nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

- Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

f) Các yêu cầu khác:

Trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, đề nghị tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (Luật Đất đai; Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Thủy lợi; Luật Lâm nghiệp,...); hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; cập nhật các quy hoạch, dự án trong khu vực lập quy hoạch.

- Định hướng phát triển hạ tầng giao thông trong khu vực phải đảm bảo đúng với quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017.

6. Danh mục hồ sơ đồ án

a) Sản phẩm khảo sát địa hình: Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5000 để phục vụ lập đồ án quy hoạch phải được thẩm định, nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

b) Sản phẩm quy hoạch: Theo quy định tại Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, gồm:

- Phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Xác định vị trí, ranh giới lập quy hoạch; thể hiện các mối quan hệ giữa đô thị và vùng, khu vực có liên quan về kinh tế - xã hội; điều kiện địa hình, địa vật, các vùng có ảnh hưởng lớn đến kiến trúc cảnh quan đô thị; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ 1/10.000 – 1/25.000.

+ Bản đồ hiện trạng: Sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở, ...); hiện trạng giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước bẩn; thu gom chất thải rắn, nghĩa trang, môi trường. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng trên cơ sở từ thuyết minh có tiêu chí đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; đánh giá về giá trị sử dụng đất: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển các chức năng đô thị; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (tối thiểu 02 phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án). Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

+ Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

+ Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Phần văn bản:

+ Thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt của đồ án quy hoạch (phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan).

+ Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

+ Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch.

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch (nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010).

+ Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị (theo quy định tại Điều 35 Luật quy hoạch đô thị 2009, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016).

c) Các yêu cầu hồ sơ:

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định in màu theo tỷ lệ thích hợp; số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định tùy theo yêu cầu của hội nghị;

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 10 bộ in màu đúng tỷ lệ với đầy đủ thành phần kèm theo 04 bộ hồ sơ màu in vừa khổ giấy A0 (chủ đầu tư 01 bộ, các cơ quan thẩm định, quản lý 03 bộ), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án bao gồm bản vẽ, thuyết minh và các văn bản liên quan.

7. Nguồn vốn, kinh phí thực hiện

Giao UBND huyện Hà Trung chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách huyện; căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng thẩm định, phê duyệt dự toán cho công tác tổ chức lập quy hoạch đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành. Trong đó bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí tư vấn lập quy hoạch đô thị;
- Chi phí sao sát, thành lập bản đồ địa hình;
- Chi phí thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, bản đồ địa hình;
- Chi phí thực địa phục vụ thẩm định đồ án quy hoạch;
- Các chi phí khác.

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan lấy ý kiến thống nhất: Bộ Xây dựng.
- Cơ quan Chủ đầu tư và trình duyệt hồ sơ: UBND huyện Hà Trung.
- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.
- Thời gian hoàn thành: Không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H6.(2020)QDPD_NV QHC DT CU

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm